

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 317/2023/KDTM-ST

Ngày 19/12/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Phượng

2. Ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 704/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: [Công ty Cổ phần X](#);

Địa chỉ trụ sở: [C H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại hợp pháp của nguyên đơn: Ông [Lê Duy L](#) - sinh năm 1966 (Theo Giấy uỷ quyền số 1183/UQ-XJSG ngày 22/11/2023) (Có mặt)

Bị đơn: [Công ty TNHH T](#);

Địa chỉ trụ sở: [A H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Nguyễn Quốc B](#) – Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là [Công ty Cổ phần X](#) do ông [Lê Duy L](#) là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 08/8/2017, [Công ty Cổ phần X](#) (sau đây gọi tắt là

[Công ty X](#)) và [Công ty TNHH T](#) (sau đây gọi tắt là [Công ty T](#)) đã ký Hợp đồng số 1199/HĐMB-SGB-TT2017 với nội dung: [Công ty X](#) sẽ bán và [Công ty T](#) đồng ý mua hàng hóa là somi rơ moóc tải với số lượng và giá cụ thể như sau:

- Sômi rơ moóc tải (chở container) 03 trục, không thành, không mui, không sàn chở container 40' hiệu Superman PC9400J, sản xuất 2017, hàng mới 100%, số lượng 10, đơn giá 259.306.493 đồng, thành tiền 2.593.064.930 đồng.

- Sômi rơ moóc tải (chở container) 03 trục, không thành, không mui, không sàn chở container 40' hiệu Superman PC9360J, sản xuất 2017, hàng mới 100%, số lượng 04, đơn giá 247.126.077 đồng, thành tiền 988.504.308 đồng.

Tổng thành tiền là 3.939.726.166 đồng.

Đối với chủng loại PC9400J, số lượng 10 chiếc đã thực hiện xong không phát sinh tranh chấp. Đối với chủng loại PC9360J, số lượng 04 chiếc thì phát sinh tranh chấp do [Công ty T](#) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Sau khi giao kết hợp đồng, [Công ty X](#) đã thực hiện nhập khẩu với số lượng hàng hóa nêu trên, ngày 21/9/2017, [Công ty X](#) tiến hành lập tờ khai hàng hóa nhập khẩu, ngày 04/10/2017 được [Cục Đ](#) cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu cho 04 sơ mi rơ moóc tải chủng loại PC9360J. Sau khi nhận được giấy chứng nhận, [Công ty X](#) đã giao 04 sômi rơ moóc cho phía [Công ty T](#) và đồng thời yêu cầu thanh toán tiền hợp đồng còn lại để [Công ty X](#) tiến hành bàn giao các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa nêu trên và thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày nhận hàng hóa phía [Công ty T1](#) chỉ thanh toán một phần cho lô hàng trên và vẫn còn nợ tiền hợp đồng với số tiền là 790.140.589 đồng.

Ngày 04/7/2018, [Công ty X](#) có văn bản số 871/XKSG-TCKT gửi [Công ty T](#) về việc yêu cầu thanh toán số tiền trên. Ngày 09/8/2018 [Công ty T](#) thanh toán số tiền là 300.000.000 đồng, hứa sẽ thanh toán số tiền còn lại vào tháng sau.

Tuy nhiên, sau nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán, [Công ty T](#) vẫn cố tình không thanh toán đầy đủ, do vậy [Công ty X](#) khởi kiện yêu cầu [Công ty T](#) trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/10/2020 là 649.730.364 đồng, cụ thể: nợ gốc 490.140.588 đồng, lãi phạt chậm thanh toán từ ngày 09/8/2018 đến ngày 31/10/2020 theo lãi suất 0,04%/ngày là 159.589.776 đồng. Buộc [Công ty T](#) trả tiền lãi trong giai đoạn thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn [Công ty TNHH T](#) vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông [Lê Duy L](#) là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu [Công ty T](#) thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 496.022.275 đồng trong đó nợ gốc 490.140.588 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0.04%/ngày theo hợp đồng đã thoả thuận với số tiền là 490.140.588 đồng x 0,04% x 30 ngày = 5.881.687 đồng, yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn [Công ty T](#) vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì [Công ty X](#) có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với [Công ty T](#) tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn [Công ty X](#) có mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền 496.022.275 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng số 1199/HĐMB-SGB-TT2017 ngày 08/8/2017 được ký kết giữa Công ty X và Công ty T thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Căn cứ Biên bản gửi hàng ngày 30/6/2020 và Công văn xác nhận số liệu ngày 31/12/2019 và 30/6/2020 do Công ty X gửi cho Công ty T và đã được Công ty T ký xác nhận; các hoá đơn giá trị gia tăng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là 490.140.588 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 490.140.588 đồng cho nguyên đơn.

- Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng đã ký đồng là 5.881.687 đồng. Căn cứ khoản 3.2 Điều 3 hợp đồng số 1199/HĐMB-SGB-TT2017 ngày 08/8/2017 hai bên có thoả thuận lãi phạt chậm trả 0.04%/ngày trên giá trị hàng còn lại nhưng tối đa không quá 30 ngày. Xét việc thoả thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi phạt do chậm thanh toán là 5.881.687 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ 490.140.588 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 5.881.687 đồng, tổng cộng là 496.022.275 đồng.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 496.022.275 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn [Công ty Cổ phần X](#).

Buộc Bị đơn [Công ty TNHH T](#) có trách nhiệm thanh toán cho [Công ty Cổ phần X](#) số tiền 496.022.275 (Bốn trăm chín mươi sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng số 1199/HĐMB-SGB-TT2017 ngày 08/8/2017 giữa [Công ty Cổ phần X](#) với [Công ty TNHH T](#), thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/12/2023 cho đến khi thi hành án xong, [Công ty TNHH T](#) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: [Công ty TNHH T](#) phải chịu 23.840.891 (Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng.

H lại cho [Công ty Cổ phần X](#) số tiền 14.994.600 (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068889 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy